

TẾT NGUYÊN ĐÁN CỔ TRUYỀN VÀ MỘT SỐ NGÀY LỄ TẾT Ở TRUNG QUỐC

Trung Quốc là một quốc gia đất rộng người đông, bao gồm nhiều dân tộc, lại có lịch sử thành văn đã từ mấy ngàn năm. Những yếu tố về lịch sử - địa lý - xã hội trên là nguyên nhân chủ yếu, khiến quốc gia này mỗi năm có tới hơn 100 ngày lễ tết truyền thống được hình thành và tồn tại trong suốt nhiều thế kỷ. Nhiều ngày lễ lớn đến nay vẫn ảnh hưởng sâu sắc đến phong tục, tập quán của người dân. Dọc theo suốt chiều dài lịch sử, sự hình thành và nội dung hoạt động của những ngày lễ tết này có sự khác biệt rất lớn với những ngày lễ tết của châu Âu và các nước Tây Á. Ở châu Âu và các nước Tây Á, phần lớn các ngày lễ tết có nguồn gốc trực tiếp từ tôn giáo hoặc chịu ảnh hưởng của tôn giáo, như: Lễ Nô-en, lễ Phục sinh, lễ Tạ ơn... của Cơ đốc giáo; Lễ kết thúc thời gian ăn chay, lễ dâng hiến (ngày lễ giết dê, bò, lạc đà để cúng tế) của Hồi giáo, v.v. Nội dung hoạt động của những ngày lễ trên cũng liên quan mật thiết với tín ngưỡng

tôn giáo, và phải được cử hành theo những nghi thức tôn giáo nhất định. Ngược lại, đa số những ngày lễ tết ở Trung Quốc, đặc biệt là những ngày lễ tết truyền thống của dân tộc Hán lại không liên quan đến tôn giáo. Sự xuất hiện và diễn biến của chúng có quan hệ trực tiếp với nền sản xuất nông nghiệp thời viễn cổ; với tâm thức sùng kính tổ tiên và với những điều cấm kỵ nguyên thủy. Phong tục của người dân Trung Quốc mang đặc sắc văn hóa nông nghiệp một cách rõ ràng, còn những ngày lễ tết lại phản ánh quy luật sinh hoạt của xã hội nông nghiệp. Lịch pháp và những hiện tượng thiên văn liên quan đến nền sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đối với sự ra đời của những ngày lễ tết; Nghi lễ thờ cúng tổ tiên và niềm vui đoàn viên giữa người thân trong gia đình qua những ngày lễ này đã thể hiện đặc sắc luân lý của những ngày lễ tết ở Trung Quốc. Đồng thời, nhiều tập tục ngày tết còn mong mỗi được bình an, may mắn, sức khỏe và niềm vui. Không

ít những hoạt động ngày tết mang ý nghĩa tránh rủi cầu may. Từ những điều trên, có thể nhận thấy một số quan hệ nào đó giữa những ngày lễ tết với những điều cấm kỵ của người xưa. Thậm chí, sự nghiệp của văn nhân và những hứng thú thanh tao của họ cũng được hòa nhập vào nội dung hoạt động của một số ngày lễ tết. Điều này càng chứng tỏ sự khác biệt văn hóa giữa Trung Quốc và phương Tây qua những ngày lễ tết. Nhìn chung, lễ tết ở phương Tây trọng “Thần”, thể hiện quan hệ giữa “Người” với “Thần”; Lễ tết ở Trung Quốc trọng “Người”, thể hiện quan hệ giữa “Người” với “Người”, “Người với Việc” (chẳng hạn như việc nhà nông).

Trung quốc có rất nhiều ngày lễ tết, trong đó, tết Nguyên đán âm lịch* là tết quan trọng nhất (sẽ đề cập ở phần sau). Ngoài ra, còn một số ngày lễ tết quan trọng khác, ví như: *Tết Nguyên tiêu* (15 tháng Giêng), còn gọi là “*tết Thượng nguyên*”. Theo *Sử ký – Nhạc thư* của Tư Mã Thiên, ngày lễ này có từ thời Hán, bắt nguồn từ những điều cấm kỵ thời cổ, và có quan hệ nhất định với việc sùng bái Trời và Đất; *Ngày lễ 3 tháng 3 âm lịch*. Trong ngày này, mọi người cùng nhau đến bờ sông vui chơi, mong được bình an vô sự. Theo các sử gia, ngày lễ này đã có ở nước Trịnh từ thời Xuân Thu (722 trước CN – 481 trước CN); *Tết Thanh minh*, được hình thành khi kết hợp với tết *Hàn thực*. Nói chung, thời điểm bắt đầu tết Thanh minh là sau Đông chí khoảng 105 ngày, từ thượng

tuần tháng 3 âm lịch, tức khoảng trước sau tháng 4 hoặc tháng 5 dương lịch. “Thanh minh” có nghĩa là thời tiết đẹp, không khí trong lành (Thiên thanh khí minh). Sau này, người Trung Quốc chế lịch luật, định ra 24 tiết trong 1 năm, trong đó quy định tiết đầu tiên trong tháng 3 là tiết Thanh minh, với hàm ý là vạn vật sinh trưởng lúc đó đều thanh khiết, trong trẻo. Khi đó tiết trời ấm áp, lượng mưa nhiều, là thời điểm bắt đầu vụ xuân. Bởi thế, thoát đầu tiết Thanh minh chỉ là một tiết trong nghề nông. *Tết hàn thực* thì tương truyền, mưu sĩ Giới Tử Thôi người nước Tấn thời Xuân thu ở ẩn trên núi, Tấn Văn Công đốt núi buộc ông ra làm quan, khiến Giới Tử Thôi cùng mẫu thân bị chết cháy trên núi Miên, vào một ngày trước tiết Thanh minh. Để tỏ lòng tiếc thương hai mẹ con Giới Tử Thôi, ngày giỗ ông, Tấn Văn Công cấm mọi người nhóm lửa nấu cơm, chỉ được ăn đồ nguội. Từ đó theo tập quán, hình thành tết Hàn thực. Đại đế là đến thời Đường, tiết Thanh minh và tết Hàn thực đã được hợp nhất. Vốn dĩ, ở Trung Quốc hầu hết các vùng đều thổ táng người đã chết và làm thành phần mộ, con cháu thường trồng lên mộ một số cây cỏ để bảo vệ, cũng là để biểu thị sự tiếc thương. Song, qua một năm mưa gió, đất trên mộ không tránh khỏi xói mòn, sạt lở, cỏ cây úa tàn, vì vậy, đến tết Thanh minh, con cháu thường đi thăm nom – gọi là “thượng phần” (Tảo mộ), để sửa sang mộ mả, lâu dần trở thành phong tục thắp hương tảo mộ vào tiết thanh minh. Nhà thơ Đỗ Mục thời

Đường có hai câu thơ nổi tiếng về tiết Thanh minh: “Thanh minh thời tiết vũ phân vân / Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn” (Tạm dịch: Thanh minh lát phất mưa phùn / Đường xa lữ khách lòng buồn tái tê). Chỉ với hai câu thơ, Đỗ Mục như đã nói hộ nỗi buồn man mác của bao người khi chứng kiến cảnh tảo mộ trong tiết thanh minh. Ngoài hoạt động tảo mộ ra, thì trong tiết thanh minh, người ta cũng đưa nhau ra vùng ngoại thành dạo chơi, gọi là “hội đạp thanh”. Tập tục dân gian này đã có từ xưa, và thịnh hành từ thời Đường. “Lễ là tảo mộ, hội là Đạp thanh” (Nguyễn Du: *Truyện Kiều*). Ngày nay, hội Đạp thanh chính là những ngày du xuân của người dân Trung Quốc; *Tết Đoan ngọ*, hay còn gọi là *tết Đoan dương*. “Đoan” là bắt đầu, cũng có thể mang ý nghĩa là (ngày) mừng, mừng; “Ngọ” nghĩa là số 5 (ngũ). Vì “ngũ” và “ngọ” trong tiếng Hán vừa đồng âm, lại vừa thông dụng, nên “đoan ngọ” vốn được gọi là “đoan ngũ”. “Đoan dương”: Vì vào giờ ngọ là lúc mặt trời chiếu thẳng, ánh nắng rực rỡ, nên ngày tết này còn gọi là tết “Đoan dương”. Có nhiều thuyết giải thích về nguồn gốc tết Đoan ngọ. Có thuyết cho rằng ngày tết này bắt nguồn từ việc sùng bái tô tem rồng của người dân vùng Ngô Việt; có thuyết nói tết Đoan Ngọ là để kỷ niệm ngày mất của nhà thơ yêu nước vĩ đại Khuất Nguyên; lại có thuyết cho rằng, Đoan Ngọ là tết Hạ chí có từ thời Hạ, Thương, Chu; còn có thuyết cho rằng ngày 5 tháng 5 âm lịch là ngày xấu (ác nhật), những hoạt động trong ngày lễ Đoan ngọ là để trấn

yêu trừ tà, vv... Những thuyết trên đều có lý lẽ nhất định, rất khó phán đoán đúng hoặc sai một cách tuyệt đối, song khả năng lớn nhất thì nguồn gốc của tết Đoan ngọ chính là sự dung hợp của nhiều nhân tố trong mỗi thuyết kể trên. Đặc biệt, để tưởng nhớ và đồng tình với Khuất Nguyên, những hoạt động chủ yếu trong ngày lễ này đều được gắn với thân thể của ông. Ví như, vào ngày tết Đoan ngọ có tục ăn bánh chưng, vì tương truyền, sau khi Khuất Nguyên gieo mình xuống sông Mịch La, người dân lấy lá trúc gói gạo thành bánh chưng ném xuống sông để vừa tế ông; vừa cho cá và thuồng luồng ăn, hi vọng chúng sau khi ăn bánh chưng sẽ không rửa thi thể ông nữa. Hội đua thuyền rồng trong ngày lễ này cũng có nguồn gốc từ sau khi Khuất Nguyên qua đời, biểu thị trạng huống khẩn cấp của dân chúng khi tìm cách cứu ông...; *Tết Trung thu* vào ngày 15 tháng 8 âm lịch cùng với tết Nguyên đán cổ truyền và tết Đoan ngọ được gọi chung là ba ngày tết truyền thống lớn (tam đại truyền thống tiết nhật) ở Trung Quốc. Theo nông lịch, tháng 7, 8 và 9 là mùa thu; ngày 15 tháng 8 là giữa mùa thu, nên gọi là “Trung thu tiết” Thực chất, đây là ngày lễ mừng được mùa của người nông dân, vì lúc này sắp vào vụ thu hoạch, lúa trên đồng đang chín, người ta bèn chọn thời điểm trăng tròn nhất, sáng nhất để cúng rằm, hi vọng vào một vụ mùa bội thu, mọi người quanh năm được no đủ. Đồng thời với việc cúng rằm, đã xuất hiện phong tục thưởng trăng, vì trong 1 năm, ngày rằm

tháng tám thời tiết thường đẹp nhất. Người xưa từng viết: “Thập nhị độ viên giai hảo khán/Kỳ trung viên cực thị trung thu” (Mười hai tuần trăng trong năm đều đẹp/Nhưng đẹp nhất vẫn là trăng trung thu).

Tết âm lịch cuối năm (xuân tiết), cũng gọi là “Niên tiết”, thời cổ gọi là “Nguyên nhật”, “Nguyên đán” “Tam nguyên” (Tuế chi nguyên, thời chi nguyên, nguyệt chi nguyên) là những ngày tết truyền thống lớn nhất, long trọng nhất ở Trung Quốc. Đại bộ phận dân tộc Trung Quốc đều ăn tết này. “Niên” là khái niệm thời gian, có liên quan trực tiếp đến nghề nông và lịch pháp, cũng là sự tổng kết của người xưa đối với chu kỳ sinh trưởng của cây nông nghiệp và sự đổi thay của mùa màng. Bởi thế, trong *Cốc lương truyện* ghi: “Niên, là lúc ngũ cốc chín vậy” (Niên, cốc thực đã). Tương truyền, từ thời Nghiêu Thuấn, chu kỳ này được gọi là “Tải”, thời Hạ gọi là “Tuế”, thời Thương gọi là “Tự”, thời Chu gọi là “Niên”. Trong *Kinh Thi – Thất nguyệt* đã thấy ghi chép về những hoạt động trong thời điểm chuyển giao giữa năm cũ và năm mới từ thời Tây Chu; còn trong *Kinh Thi – Phong niên* thì ghi lại những lời chúc mừng khi tế lễ tổ tông trong những ngày tết, có từ thời Chu. Những hoạt động này có thể coi là hình thức sơ khai của nhiều phong tục trong những ngày tết Nguyên đán âm lịch sau này. Tuy nhiên, trước thời Hán, do lịch pháp còn chưa cố hình, nên khái niệm thời

gian “Niên” không thống nhất qua mỗi thời đại. Cụ thể, theo *Kinh Thi* thì thời Chu mỗi năm chỉ có 10 tháng, đầu năm là tháng 11. Khi Hán Vũ đế xác định lấy cách tính niên đại theo lịch nhà Hạ, đồng thời gộp 24 tiết khí vào lịch pháp thì tháng Giêng (chính nguyệt) mới là tháng đầu năm, và tháng 12 là tháng cuối năm. Từ đó, ngày 1 tháng Giêng tết Nguyên đán cổ truyền được xác định, mọi hoạt động trong mấy ngày tết bắt đầu được tiến hành trong đêm cuối năm (trừ tịch), rồi dần hình thành phong tục. Trải qua các thời đại, phong tục ăn tết của người Trung Quốc tập trung chủ yếu trên hai phương diện: *Một là* lễ tế trời đất, cúng bái tổ tông và các hoạt động chúc mừng năm mới giữa những người thân trong gia đình và thân hữu, nhằm thể hiện tình cảm tri âm đối với sự dưỡng dục của trời đất; Niêm tưởng nhớ và tôn kính tổ tiên. Những phong tục trên là biểu hiện sự trọng thị luân lý, nhân tình của dân tộc Trung Hoa, cũng là sự phản ánh quan niệm tông pháp trong tâm lý mọi người. *Hai là* các hoạt động “Tiến tửu giáng thần”, gồm những hoạt động như đốt pháo, dán câu đối, uống rượu tiêu bách, tiễn táo quân. Tục đốt pháo có từ thời Hán, đến thời Nam Bắc triều đã trở thành phong tục trong ngày tết. Trong sách *Kinh sở tuế thời ký*, Tông Lãm thời Nam triều ghi: “Ngày 1 tháng Giêng, khi gà gáy sáng thì mọi người dậy, trước tiên đốt pháo trước sân để đuổi ác quỷ Sơn tao”. Theo truyền

thuyết, “Sơn tao” là một loại quái vật trong núi, có thể khiến người mắc bệnh đến chết nhưng lại rất sợ tiếng pháo. Lúc đầu, người ta chỉ dùng lửa đốt ống trúc nên gọi là “bộc trúc”, tức là pháo. Về sau, người ta nhồi thuốc nổ vào ống trúc; đến sau thời Tống, thì pháo được cải tiến thành pháo bánh, pháo tép (tiên pháo). Câu đối thoại đầu chỉ là “Đào phù”, tức là dùng hai tấm gỗ đào vẽ hai vị “Thần Trà” và “úc Lũy” treo trên cửa để xua đuổi ác quỷ. Sau thời Ngũ đại, đào phù trở thành câu đối, nhưng thần giữ cửa (môn thần) thì vẫn được bảo lưu. Về đại thể, từ Hán đến Đường, môn thần vẫn là Thần Trà và ưc Lũy – hai vị thần có thể khống chế bách quỷ. Đến cuối triều Đường sang thời Ngũ đại thì môn thần biến thành Chung Quỳ, vì theo truyền thuyết, Đường Huyền Tông nằm mộng thấy người bắt được quỷ, bèn kể lại hình dạng, rồi sai Ngô Đạo Tử vẽ ra. Tục uống rượu tiêu bách thì theo truyền thuyết, uống loại rượu này có thể trừ tai họa, sức khỏe và trường thọ. Thời xưa ăn tết từ ngày 23 tháng chạp, gọi là “quá tiểu niên”, mà thực chất là tiến hành những hoạt động chuẩn bị cho tết Nguyên đán. Những ngày này thì cần phải quét dọn nhà cửa sân vườn, tiễn táo quân về trời, mổ lợn giết dê, mua sắm đồ tết..., cho mãi đến bữa cơm tối đêm trừ tịch thì mọi công việc chuẩn bị mới được coi là hoàn tất. Người dân miền Bắc có bài ca dao: Ngày 23 tiễn ông công ông táo, ngày 24 dọn cửa dọn nhà, ngày 25 thì làm đậu

phụ, ngày 26 giết mổ lợn dê, ngày 27 thịt mấy con gà, ngày 28 dán đôi câu đối, ngày 29 mua rượu về nhà, ngày 30 phải làm vằn thắn, tối 30 không ai được ngủ, sáng mồng một tiếng pháo vang nhà.

DUY ĐẠT biên khảo

CHÚ THÍCH:

*Theo sách *Từ Hải*: “Nguyên đán, cũng gọi là nguyên nhật, là ngày đầu tiên trong năm âm lịch. Trong sách *Mộng lương lục-Chính nguyệt*, Ngô Tự Mục viết: “Chính nguyệt sóc nhật, vị chi nguyên đán, tục hô vi tân niên” (Ngày mùng 1 tháng giêng, gọi là nguyên đán, tục gọi là năm mới). Ngày nay, ngày mùng 1 tháng 1 năm dương lịch cũng gọi là Nguyên đán” (Xem: *Từ Hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1989, trang 740. Hiện nay, người Trung Quốc gọi dịp tết này là “Xuân tiết”).

Ở bài viết này, để tránh sự hiểu lầm, chúng tôi không dùng từ “Xuân tiết” – vì từ này có vẻ vẫn xa lạ với độc giả Việt Nam nói chung –, mà thống nhất gọi dịp tết này là “Tết nguyên đán âm lịch”, hoặc “Tết nguyên đán cổ truyền”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Kiến Huy, Dịch Học Kim chủ biên: *Tình hoa tri thức văn hóa Trung Quốc*, (sách dịch), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.
2. Lưu Lực Sinh: *Từ điển điển cổ Trung Hoa* (sách dịch), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2002.
3. Trình Dụ Trinh: *Trung Quốc văn hóa yếu lược*, Ngoại ngữ giáo dục dữ nghiên cứu xuất bản xã, Bắc Kinh, 1998.
4. Tư Mã Thiên: *Sử ký* (Nhữ Thành dịch), Nxb Văn học, Hà Nội, 1988.